

HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ- XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở KIM SƠN, NINH BÌNH: THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trần Hồng Quảng*, Hoàng Thị Bích Loan**

Bài viết dựa trên các tài liệu thứ cấp thu thập được từ các cơ quan quản lý nhà nước huyện Kim Sơn nhằm phân tích hiện trạng hệ thống hạ tầng kinh tế- xã hội, một tiêu chí quan trọng trong xây dựng nông thôn mới. Kết quả cho thấy, trong những năm 2008-2012, hệ thống hạ tầng kinh tế- xã hội của huyện Kim Sơn đã có sự phát triển. Tuy nhiên so với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, việc đầu tư xây dựng hệ thống này còn đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh nhiều hơn nữa.

Từ khóa: xây dựng nông thôn mới; Hạ tầng kinh tế- xã hội; huyện Kim Sơn

1. Đặt vấn đề

Kim Sơn là huyện đồng bằng ven biển nằm ở phía Đông Nam tỉnh Ninh Bình, được thành lập năm 1829 do kết quả công cuộc khai hoang lấn biển của nhà doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ.

Trong những năm qua, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 tại quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ, việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn là một trong những tiêu chí quan trọng và đã được huyện đặc biệt chú trọng. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Kim Sơn đã có nhiều nghị quyết như Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 28/6/2011 về lãnh đạo thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 25/10/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về Phát triển sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đến năm 2005, định hướng đến năm 2020 và các Nghị quyết về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, về Quản lý môi trường, về phát triển du lịch giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 hướng vào thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, trong đó có đặt vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội như một nhiệm vụ hàng đầu. Nhờ đó, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện đã từng bước được xây dựng. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã

hội của huyện còn nhiều bất cập. Bài viết này khái quát tình hình xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội của huyện hiện nay, chỉ ra những thành tựu, những bất cập và những vấn đề đặt ra trong những năm tới.

2. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội trong xây dựng nông thôn mới huyện Kim Sơn

2.1. Tình hình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội của huyện Kim Sơn hiện nay

2.1.1. Hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn. Với một huyện nông nghiệp ven biển mà diện tích đất đai là 21.423,60 ha trong đó đất nông nghiệp là 8.377,34 ha, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản 3.159,69 ha, với 27 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 02 thị trấn và 25 xã và dân số 166.371 người, việc xây dựng hệ thống giao thông nông thôn được huyện Kim Sơn đặc biệt quan tâm. Với phong trào thi đua “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”, huyện đã có nhiều biện pháp tuyên truyền vận động cán bộ, nhân dân đặc biệt là các chức sắc, các giáo dân ở khu vực có đông đồng bào công giáo, như xã Xuân Thiện (nơi có 88.2% đồng bào theo đạo Thiên chúa) đã hiến đất, dỡ nhà phòng của giáo họ, dỡ hàng rào và các vật kiến trúc khác để GPMB xây dựng đường giao thông. Kết quả là đã vận động 2.895 hộ hiến 62.237,8m² đất phục vụ xây dựng hạ tầng nông thôn mới với tổng giá trị ước tính 8.178,2 triệu đồng; các doanh nghiệp và con em của địa

Bảng 1: Phát triển hạ tầng giao thông nông thôn của huyện Kim Sơn

STT	Nội dung thực hiện	Năm					Tổng cộng
		2008	2009	2010	2011	2012	
1	Số Km đường làm mới	15,5	17,8	37,75	42,31	69,5	182,86
	<i>Bê tông xi măng</i>	10	12	26,25	32,31	69,5	150,06
	<i>Láng nhựa</i>	4	4,5	5	4		17,5
	<i>Mặt đá dăm</i>	1,5	1,3	6,5	6		15,3
2	Khối lượng nâng cấp, sửa chữa duy tu cầu đường	65,00	75,50	89,00	95,00		538,20
	<i>Bê tông xi măng</i>	33,00	35,00	45,00	55,00		262,70
	<i>Láng nhựa</i>	5,00	5,00	5,00	5,00		55,00
	<i>Mặt đá dăm</i>	27,00	35,50	39,00	35,00		220,50
3	Số cầu, cống làm mới các loại (Cái/m)	27/243	28/252	95/855	150/1.392		300/2.742
4	Kinh phí thực hiện hàng năm (Tỷ đồng)	65,00	92,50	105,00	110,00	25,05	378,347
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Trung ương hỗ trợ</i>	35,2471	41,88151	89,0205	107,1479		273,297
	<i>Ngân sách địa phương</i>	15,00	15,00	15,00	15,00	15,22	75,22
	<i>Nhân dân đóng góp và các nguồn khác</i>	5,00	5,00	5,00	5,00	9,83	29,83

Nguồn: Phòng Công thương huyện Kim Sơn 2013

phương đã ủng hộ 4.137,2 triệu đồng. Nhờ đó, đến năm 2012 tổng số đường liên xã, trục xã, thôn, xóm, đường trục chính nội đồng là 973,65 km, trong đó có 64,06 km đường liên xã, đường trục xã là 500,37 km, đường ngõ xóm 227,12 km, đường trục chính nội đồng là 182,1 km. (xem bảng 1).

2.1.2. Hệ thống hạ tầng thủy lợi: Là một huyện sản xuất nông nghiệp ven biển, hệ thống thủy lợi luôn được huyện coi trọng. Đến nay toàn huyện có 3 hệ thống công trình thủy lợi chính phục vụ sản xuất trong đó có 170 công các loại. Hệ thống đê điều của huyện Kim Sơn gồm các tuyến đê là 75,7 km trong đó tuyến đê biển dài 40,2 km, tuyến đê sông Tả Vạc, Hữu Vạc, Hữu Đáy dài 35,5 km.

Hệ thống kênh tưới tiêu cấp I có tổng chiều dài 104,2 km, kênh cấp II dài 418,8 km, kênh cấp III dài 490,2 km. Toàn huyện có 30 trạm với 71 máy bơm công suất từ 1000-4000 m³/h trong đó Công ty Khai thác công trình thủy lợi tỉnh quản lý và vận hành 8 trạm với 42 máy công suất 4000 m³/h, các Hợp tác xã quản lý và vận hành 26 trạm bơm vô ông công suất mỗi máy là 3000-4-3500 m³/h. Đặc biệt là tuyến đê biển những năm gần đây đã được Trung

ương đầu tư nâng cấp, kiên cố hóa mặt đê biển Bình Minh 1 dài 25,2 km bằng bê tông xi măng, nâng cấp đê biển Bình Minh 3 dài 15 km, xây mới 03 cống lấy nước phục vụ cho vùng nuôi trồng thủy sản của vùng bãi bồi ven biển huyện Kim Sơn. Các tuyến đê sông cũng đang được nâng cấp cải tạo và kiên cố hóa mặt đê (xem bảng 2).

2.1.3 Hệ thống hạ tầng điện nông thôn huyện Kim Sơn. Ngày nay, điện không thể thiếu trong sản xuất và đời sống của nhân dân nói chung, trong đó có huyện Kim Sơn. Vì thế những năm qua, huyện đã chú ý đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng điện nông thôn. Đến năm 2012 toàn huyện có 84 km đường dây cao thế, 600 km đường dây hạ thế; 99 trạm biến áp 100% số xã có điện lưới quốc gia. Trong những năm gần đây hệ thống điện các xã phần lớn giao cho ngành điện quản lý và khai thác. Số hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 80%.

2.1.4. Hạ tầng cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Trong những năm qua công tác vệ sinh môi trường và nước sạch trên địa bàn huyện có những chuyển biến tích cực. Nhận thức của các cấp, các ngành và của người dân, của các doanh

Bảng 2: Phát triển hạ tầng thủy lợi nông thôn huyện Kim Sơn

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị	Năm					Tổng cộng
			2008	2009	2010	2011	2012	
1	Nạo vét, kiên cố hóa kênh mương							182,86
	<i>Nạo vét</i>	<i>Km</i>	53,73	84,24	11,56	8,54	87,86	245,93
	<i>Kiên cố hóa (kè bờ)</i>	<i>Km</i>	8,51	6,22	8	8,27	118,5	149,5
2	Nâng cấp, kiên cố hoá đê							
	<i>Đê biển</i>	<i>KM</i>	12	13,2	15			40,2
	<i>Đê sông</i>	<i>KM</i>	14,066	11,768	2	3	4,873	35,707
3	xây mới, cải tạo trạm bơm	Cái	31	9	4	7	5	56
4	Xây mới, cải tạo cống đầu kênh, cống điều tiết	Cái	11	11	9	9	6	46
5	Kinh phí thực hiện hàng năm (Tỷ đồng)							
	<i>Trong đó:</i>							
	<i>Trung ương hỗ trợ</i>		518,85	556,16	343,38	92,91	266,58	1.777,89
	<i>Ngân sách địa phương</i>							

Nguồn: Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Kim Sơn, 2013

nghiệp được nâng lên. Năm 2009 huyện đã thành lập trung tâm vệ sinh môi trường đô thị. Toàn huyện có 7 cơ sở cấp nước sạch trong đó (01 cơ sở đang cấp, 02 cơ sở đang vận hành thử, 02 cơ sở đang thi công và 02 cơ sở ngừng hoạt động).

Nhà máy cấp nước Phát Diệm công suất 6000m³/ngày.đêm; các nhà máy cấp nước xã Lai Thành, Yên Lộc công suất 500m³/ ngày.đêm đã góp phần cung cấp nước sạch cho nhân dân Thị trấn Phát Diệm, các xã tiểu khu 3. Các nhà máy cấp nước Kim Mỹ, Kim Hải đang thi công cung cấp một phần cho các xã tiểu khu IV và các xã vùng bãi ngang của huyện; tỷ lệ các hộ được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 82% (trong đó tỷ lệ hộ dùng nước sạch là 10%).

Công tác vệ sinh môi trường được nâng cao 26/27 xã, thị trấn có nghĩa trang nhân dân; 50% số hộ gia đình tự xử lý rác thải trong khu ở; 100% rác thải y tế được xử lý; tỷ lệ hộ có công trình hợp vệ sinh đạt 70%. Có 12/27 xã, thị trấn có tổ thu gom rác thải tập kết để vận chuyển lên khu xử lý rác thải tại Tam Điệp bằng 02 xe chuyên dùng. (*Trung tâm vệ sinh môi trường huyện Kim Sơn, 2013*).

2.1.5. Hệ thống hạ tầng thông tin, viễn thông nông thôn huyện Kim Sơn. Đến năm 2012, toàn bộ các xã và thị trấn trong huyện đều có điểm bưu điện-văn hóa được xây dựng theo quy định. Hoàn thành

số hóa hệ thống bưu chính viễn thông, toàn huyện có 4 đài trạm, 24 trạm BTS. Số thuê bao điện thoại cố định năm 2008 là 14000 thuê bao, đến năm 2012 giảm còn 500 thuê bao, số người thuê bao điện thoại di động tăng nhanh; có trên 1,5 nghìn thuê bao di động trả sau, hơn 3000 thuê bao Internet và nhiều thuê bao băng rộng. Hiện nay 100% các xã, thị trấn, thôn, xóm đều có máy điện thoại cố định; 40% thôn, xóm và 100% xã, thị trấn có Internet băng thông rộng tốc độ cao MegaVNN, cáp quang FiberVNN... đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của nhân dân, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân tiếp cận thông tin và ứng dụng, góp phần nâng cao dân trí, phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội, thúc đẩy quá trình CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn (*Trung tâm viễn thông huyện Kim Sơn, 2013*).

2.1.6. Hệ thống hạ tầng dịch vụ, mạng lưới chợ, cây xăng, cụm công nghiệp và làng nghề của huyện Kim Sơn. Toàn huyện có 12 chợ, trong đó có 01 chợ loại II nằm trung tâm huyện hiện nay đã xuống cấp và đã giao cho doanh nghiệp quản lý, đầu tư cải tạo nâng cấp thành chợ loại I. Có 1 chợ đầu mối thủy sản được đầu tư xây dựng tại xã Kim Đông, các chợ còn lại do xã quản lý và xây dựng tạm, bán kiên cố chưa đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới.

Toàn huyện có 17 điểm bán xăng, phù hợp với mạng lưới hạ tầng giao thông trong huyện, đáp ứng

phục vụ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân.

Theo quy hoạch huyện Kim Sơn có 02 Cụm công nghiệp được tỉnh phê duyệt gồm Cụm công nghiệp Đồng Hường (thuộc xã Đồng Hường) và Cụm công nghiệp Bình Minh (thuộc thị trấn Bình Minh). Ngành nghề thủ công chiếu cói được chú trọng phát triển với trên 100 doanh nghiệp ngoài quốc doanh và trên 7000 hộ gia đình chuyên sản xuất tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ; 27 doanh nghiệp sản xuất chế biến cói trên địa bàn huyện, trong đó 18 doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thu hút trên 4000 lao động làm việc thường xuyên và gần 30.000 lao động trong khu dân cư, các doanh nghiệp chế biến cói xuất khẩu đã khắc phục khó khăn về thị trường, giá cả. Doanh nghiệp đã mở rộng qui mô sản xuất, đầu tư vốn để xây nhà xưởng, đổi mới mẫu mã, đa dạng sản phẩm; một số doanh nghiệp đã ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng nước ngoài có giá trị xuất khẩu lớn.

Đến nay, huyện đã có 25 làng nghề thuộc 10 xã, thị trấn (Hùng Tiến, Như Hòa, Quang Thiện, Đồng Hường, Kim Chính, Yên Mật, Thượng Kiệt, Lưu Phương, Yên Lộc và thị trấn Phát Diệm). Từ năm 2006 đến năm 2010, UBND tỉnh cấp bằng công nhận cho 18 làng nghề, 05 làng nghề; được UBND tỉnh công nhận vào tháng 5 năm 2011 và 02 làng nghề được công nhận vào năm 2012. (*Huyện ủy Kim Sơn, 2013*).

2.1.7. Phát triển khu dân cư và cải tạo nhà ở dân cư nông thôn của huyện. Huyện đã nỗ lực triển khai quy hoạch mạng điểm dân cư trong quy hoạch nông thôn mới của các xã theo hướng tập trung phát triển khu dân cư mới theo hướng văn minh, đồng thời bảo tồn, kế thừa bản sắc văn hóa tốt đẹp của nhân dân. Đã vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào chỉnh trang nhà cửa, vườn ao, đường ngõ xóm theo hướng tiện ích, văn minh và bảo tồn những nét văn hóa của nhân dân nông thôn vùng công giáo. Tỉnh, huyện có chính sách hỗ trợ xóa nhà tranh tre, giột nát, hỗ trợ các hộ nghèo cải tạo nâng cấp, xây mới nhà ở. Đến nay toàn huyện đã có 80% nhà ở của nhân dân đạt tiêu chuẩn chuẩn theo quy định.

2.1.8. Phát triển hệ thống hạ tầng văn hóa- xã hội huyện Kim Sơn.

Trong những năm qua cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo của huyện tiếp tục được phát triển. Cơ sở vật chất cho giáo dục và đào tạo được tăng cường. Đến nay có 7/27 trường mầm non, 29/29 trường tiểu học, 24/27 trường THCS, các trường THPT và

Trung tâm giáo dục thường xuyên có nhà học cao tầng kiên cố. Nhờ đó đã đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, đào tạo nguồn nhân lực của huyện. (Phòng Giáo dục- Đào tạo huyện Kim Sơn, 2013).

Hệ thống hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe dân cư nông thôn huyện Kim Sơn được đầu tư nâng cấp. Đến năm 2012 toàn huyện có 1 bệnh viện đa khoa, 02 phòng khám khu vực, và 27 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Toàn huyện có 254 cán bộ y tế, trong đó bác sỹ và trên đại học là 30 người, dược sỹ 29 người, y sỹ, kỹ thuật viên là 104 người, y tá 91 người. (Cục Thống kê Ninh Bình, 2012).

Hạ tầng văn hóa nông thôn huyện Kim Sơn được đầu tư xây dựng. Được sự hỗ trợ của ngân sách tỉnh, huyện và chủ yếu là sự đóng góp của nhân dân đến nay toàn huyện được 5/27 nhà văn hóa xã, 16/27 sân thể thao xã, 135/298 thôn có nhà văn hóa, các xã thị trấn có đài truyền thanh và điểm bưu điện văn hóa, 62,5% thôn xóm đạt chuẩn làng văn hóa. (Phòng Văn hóa thông tin Kim Sơn, 2013).

2.2. Nhận xét chung về sự phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội trong xây dựng nông thôn mới huyện Kim Sơn

2.2.1. Việc tập trung đầu tư, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội của huyện trong những năm qua đã tạo cơ sở vật chất cho huyện để đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội

Về kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội đã tạo điều kiện phát triển thế mạnh của một huyện nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, theo hướng kinh tế hàng hóa, được ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nâng cao năng suất và hiệu quả. Ngành nghề thủ công của huyện dần dần được khôi phục và mở rộng; các làng nghề truyền thống có cơ hội được phục hồi, nhiều ngành nghề mới ra đời; sản xuất thủ công đã áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất. Hệ thống giao thông phát triển tạo cơ hội cho giao lưu hàng hóa, phát triển thương mại, dịch vụ trong huyện cũng như giữa huyện với cả nước. Nhờ vậy kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai đoạn 2000-2005 bình quân tốc độ tăng trưởng đạt 13,1%/năm. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất: nông- lâm nghiệp- thủy sản đạt 11,2%; công nghiệp - xây dựng đạt 16,8% và dịch vụ đạt 13,6%. Giai

đoạn năm 2005-2010, tăng trưởng kinh tế đạt 12,7%. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất: nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 4,1%; công nghiệp- xây dựng đạt 21,3% và dịch vụ đạt 14,9%. Giá trị sản xuất năm 2005-2010 bình quân đầu người đạt 18,08 triệu đồng gấp 2,4 lần. Kim ngạch xuất khẩu từ 1,5 triệu USD năm 2005, đến năm 2010 đạt 8 triệu USD. (Huyện ủy Kim Sơn, 2013)

Về xã hội, cùng với sự phát triển về kinh tế, xã hội nông thôn huyện Kim Sơn cũng ngày càng phát triển rõ nét. Kết quả tăng trưởng sản xuất là cơ sở để tạo nhiều công ăn việc làm, nâng cao mức sống của người dân; xóa đói giảm nghèo được triển khai mạnh mẽ. Tính đến hết năm 2012, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 14,2 triệu đồng/người/năm, tăng 2 lần so với năm 2008. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn mới, toàn huyện còn 9,99%, hộ cận nghèo còn 9,88%; từ năm 2008 đến nay đã hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 689 hộ. (Huyện ủy Kim Sơn, 2013).

Sự phát triển của hệ thống giáo dục trên địa bàn huyện đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện. Hiện nay toàn huyện có 53/83 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 62,35%; có 11/27 trường mầm non, 11/27 trường THCS được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, 29/29 trường tiểu học được công nhận chuẩn quốc gia cấp độ 1, trong đó có 2 trường Tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2. Đến năm 2012 tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt 55%, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi học mẫu giáo 97 %; tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi cấp tiểu học 100%, THCS đạt 100%. Chất lượng học sinh từng bước được nâng lên, số học sinh thi đỗ vào các trường Cao đẳng, Đại học ngày càng tăng. (Phòng Giáo dục- Đào tạo huyện Kim Sơn, 2013).

Nhờ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng y tế, công tác phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn thực hiện thường xuyên, giám sát chặt chẽ dịch tễ, phát hiện sớm những ca bệnh và tổ chức ngăn chặn kịp thời không để xảy ra dịch bệnh; duy trì truyền thông phòng chống dịch bệnh cho nhân dân đặc biệt là các bệnh: tay chân miệng, dịch cúm gia cầm lây sang người như H1N1, H5N1, dịch sốt xuất huyết... Thường xuyên tổ chức kiểm tra VSATTP tại các cơ sở kinh doanh thực phẩm, nhà hàng ăn uống trên địa bàn. Công tác khám chữa bệnh thực hiện nghiêm túc, chẩn chính tinh thần, thái độ phục vụ, nâng cao y đức, khám chữa bệnh kịp thời cho nhân dân. Công tác Dân số- KHHGD

được quan tâm chỉ đạo có hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dân số. (Cục Thống kê Ninh Bình, 2012).

Hệ thống nhà văn hóa, sân thể thao phát triển tới cấp xã, cùng với hệ thống các nhà văn hóa thôn, hệ thống đài truyền thanh và diêm bur điện văn hóa đã góp phần xây dựng đời sống văn hóa mới, tăng tình làng nghĩa xóm trong nông thôn trên địa bàn huyện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển đều khắp trong huyện, chất lượng phong trào được quan tâm và nâng cao.

2.2.2. Bên cạnh những tác động trên đây, hệ thống hạ tầng kinh tế- xã hội nông thôn huyện Kim Sơn vẫn còn nhiều bất cập. Nhìn chung hệ thống này vẫn chưa đáp ứng được theo yêu cầu của các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Thứ nhất, cơ sở hạ tầng phát triển còn tự phát, thiếu quy hoạch, liên kết vùng, chưa gắn với hoạt động phát triển kinh tế. kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội tuy đã được đầu tư xây dựng nhưng còn thiếu, chưa đồng bộ, giao thông, thủy lợi nội đồng đầu tư còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất và dân sinh kinh tế. Cơ sở hạ tầng đô thị còn yếu kém; không gian làng xã nhiều nơi bất hợp lý.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng phục vụ cho ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ vào nông nghiệp còn chậm nhất là sự liên kết với nhà khoa học, doanh nghiệp sản xuất và phân phối dịch vụ vật tư nông nghiệp còn hạn chế; hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao, thu nhập của người nông dân còn thấp, phát triển nông nghiệp chưa bền vững.

Thứ ba, các các cụm công nghiệp đã được phê duyệt nhưng việc triển khai xây dựng còn chậm, cơ sở hạ tầng của cụm công nghiệp đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, việc thu hồi, đền bù và cho thuê đất tại cụm công nghiệp gặp khó khăn nên chưa thu hút được các nhà đầu tư.

Thứ tư, mạng lưới chợ nông thôn còn bất hợp lý; môi trường nông thôn đang dần bị ô nhiễm, một số điểm khu tập trung dân cư bị ô nhiễm nặng.

Thứ năm, tỷ lệ nhà văn hóa và khu thể thao xã, thôn xóm đạt tiêu chuẩn theo quy định còn thấp, trang thiết bị còn nghèo. Cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện, nhà văn hóa, phòng đọc sách, đội thông tin còn thiếu thốn. Tỷ lệ bác sỹ trên số dân còn thấp, hiện nay khoảng 1 bác sỹ trên 5.546 người dân. Cơ sở vật chất của các bệnh viện, trạm xã còn thiếu thốn.

3. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế- xã hội những năm tới

Để xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế- xã hội nông thôn đáp ứng được theo yêu cầu của các tiêu chí xây dựng nông thôn mới những năm tới chúng tôi cho rằng, định hướng phát triển những năm tới của huyện Kim Sơn cần tập trung vào những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, về kết cấu hạ tầng giao thông. Tiếp tục củng cố nâng cấp các tuyến giao thông đã có, kết hợp với việc xây dựng mới một số tuyến đường liên tỉnh, đường tỉnh, đường đô thị. Đối với mạng lưới đường giao thông nông thôn, phấn đấu 100% đường cấp phối, trong đó có 80% được trải bê tông, trải nhựa. Nâng cấp, mở rộng giao thông thủy: Nạo vét, chỉnh trị cửa đáy (tàu 3000 tấn ra vào) và các tuyến sông địa phương. Phát huy hiệu quả sử dụng công trình khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu thuyền tại cửa Đáy. Xây dựng đường chiến lược ven biển: Tạo điều kiện thi công đường chiến lược ven biển phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh nói chung và huyện Kim Sơn nói riêng.

Thứ hai, về kết cấu hạ tầng thủy lợi. Đầu tư máy móc, thiết bị mới một cách đồng bộ cho ngành thủy lợi để chống úng, chống hạn và phục vụ sản xuất. Điện khí hóa đóng, mở cống lớn và trang bị máy xác định số, nâng cao chất lượng nước phục vụ phát triển kinh tế- xã hội. Xây dựng hệ thống thủy lợi kết hợp với giao thông nông thôn, quan tâm đến thủy lợi nội đồng, đảm bảo tưới tiêu chủ động cho cây lúa, cây cói, cấp thoát nước vùng nuôi trồng thủy sản. Thực hiện các dự án củng cố và nâng cấp đê biển.

Thứ ba, về kết cấu hạ tầng điện nông thôn. Đầu tư nâng cấp trạm cũng như hạ tầng lưới điện đảm bảo 100% số hộ dân của huyện, nhất là vùng bãi ngang của huyện được sử dụng điện đạt chất lượng, an toàn.

Thứ tư, về kết cấu hạ tầng cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Trồng cây, trồng rừng phòng hộ ven biển, bảo tồn theo nhiệm vụ khu dự trữ sinh quyển châu thổ đồng bằng Sông Hồng,... khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, bảo vệ và tái tạo nguồn tài nguyên ở nông thôn. Nâng cao chất lượng công tác đảm bảo môi trường (nhất là công tác xử lý rác thải). Bảo vệ nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước sạch, nâng cao tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch trong sinh hoạt. Chủ động phòng ngừa và hạn chế chất thải

chưa qua xử lý từ các hoạt động sản xuất ở các cụm công nghiệp cũng như sản xuất tại các làng nghề.

Thứ năm, về kết cấu hạ tầng thông tin, viễn thông nông thôn. Phấn đấu năm 2015 có 70% và năm 2020 đạt 100% các thôn, xóm có điểm Internet... với chất lượng dịch vụ không ngừng được cải thiện. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện phong trào “VNPT cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, tiếp tục đầu tư phát triển mở rộng và hiện đại hoá mạng VT- CNTT vùng sâu, vùng xa. Nâng cao dịch vụ điện thoại cố định, di động, internet băng rộng, truyền hình tương tác, các dịch vụ viễn thông công ích... nhằm phổ cập các dịch vụ VT-CNTT, xoá dần khoảng cách thông tin giữa địa bàn nông thôn và thành thị, giúp người dân nâng cao trình độ, tiếp cận và ứng dụng tiến bộ KHKT vào đời sống, góp phần thúc đẩy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói, giảm nghèo.

Thứ sáu, về hệ thống hạ tầng dịch vụ, mạng lưới chợ, cây xăng, cụm công nghiệp và làng nghề. Đẩy nhanh triển khai xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp (Đồng Hướng, Bình Minh) và các làng nghề tương xứng với tiềm năng của chúng. Xây dựng khu dịch vụ tổng hợp hiện đại, xăng dầu, điện nước, trường học, bệnh viện, đặc biệt là tài chính ngân hàng hiện đại gắn liền với xây dựng các khu thể thao, văn hoá, khu dân cư để nâng cao mức sống và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế- xã hội. Vận động các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống chợ nông thôn theo quy hoạch đạt tiêu chí nông thôn mới.

Thứ bảy, về phát triển các điểm dân cư và nhà ở nông thôn. Phấn đấu đến năm 2020 xóa hết nhà dột nát, 95% nhà đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng theo tiêu chí nông thôn mới.

Thứ tám, về phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo. Hình thành một mạng lưới giáo dục, đào tạo hợp lý. Tăng cường trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập cho thầy và trò. Coi trọng đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề cho con em ở nông thôn.

Thứ chín, về phát triển hạ tầng Y tế và chăm sóc sức khỏe dân cư nông thôn. Đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng y tế. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế cơ sở, đồng thời thực hiện các chính sách khuyến khích y bác sỹ đến công tác lâu dài, tăng cường bác sỹ có chuyên môn sâu về công tác tại các trạm y tế xã. Thực hiện công tác xã hội hóa về y tế nhằm giảm bớt sự quá tải đối với các cơ sở y tế công lập.

Cung cấp đủ nước sạch, tùy theo điều kiện từng vùng áp dụng các hình thức nước máy, giếng khơi, giếng khoan. Bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm, vận động nhân dân thực hiện phong trào giữ môi trường trong sạch, đặc biệt là các khu vực đông dân cư. Giải quyết tận gốc các nguồn gốc gây ra bệnh.

Cuối cùng, về phát triển hạ tầng văn hóa nông thôn. Chính trang lại các nhà văn hoá xã, xây dựng nhà văn hoá thôn, xóm và đặc biệt là đổi mới nội dung hoạt động gắn liền với phong tục, tập quán cũng như phát triển sản xuất của nhân dân. Nâng

cấp và mở rộng hệ thống phát thanh truyền hình đến tận các hộ gia đình và đưa những ấn phẩm báo chí, sách phù hợp đến người dân để họ được hưởng lợi thiết thực. Phát triển bưu chính viễn thông, nâng số máy điện thoại bằng mức trung bình cả nước và đặc biệt là phát triển Internet, phục vụ công cuộc CNH, HĐH trong đó chú ý phục vụ hoạt động du lịch. Nâng cấp và đưa vào phục vụ thường xuyên hệ thống thư viện từ huyện đến xã phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. □

Tài liệu tham khảo:

- Chính phủ (2010), *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.*
- Ban chấp hành Đảng bộ huyện Kim Sơn (2011), *Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 25/10/2011 về Phát triển sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đến năm 2005, định hướng đến năm 2020.*
- Ban chấp hành Đảng bộ huyện Kim Sơn (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 28/6/2011 về lãnh đạo thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020;*
- Cục Thống kê Ninh Bình (2012), *Niên giám thống kê Ninh Bình.*
- Huyện ủy Kim Sơn (2013), *Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Tháng 6 năm 2013.*
- Phòng Công thương huyện Kim Sơn (2013), *Báo cáo về hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn huyện kim Sơn giai đoạn 2008-2012.*
- Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Kim Sơn (2013), *Báo cáo về phát triển hạ tầng thủy lợi huyện Kim Sơn giai đoạn 2008-2012.*
- Trung tâm vệ sinh môi trường huyện Kim Sơn (2013), *Báo cáo về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn huyện Kim Sơn giai đoạn 2008-2012.*
- Trung tâm viễn thông huyện Kim Sơn, (2013), *Báo cáo về hạ tầng thông tin, viễn thông nông thôn huyện Kim Sơn giai đoạn 2008-2012.*
- Phòng Giáo dục- Đào tạo huyện Kim Sơn, (2013), *Báo cáo tình hình giáo dục và đào tạo huyện Kim Sơn giai đoạn 2008-2012.* Phòng Văn hóa thông tin Kim Sơn (2013), *Báo cáo tình hình văn hóa Kim Sơn giai đoạn 2008-2012.*

Socio-economic infrastructure for developing new countryside in Kim Son district, Ninh Binh province: facts and recommendations

Abstract:

Based on the secondary data collected from government agencies in Kim Son district, this paper analyses the current status of socio-economic infrastructure which is an important criterion in developing the new countryside. The results showed that in the years 2008-2012, the socio-economic infrastructure of Kim Son has signs of development. However, compared with the requirements of building a new countryside, investment in the infrastructure in Kim Son need to be promoted.

Thông tin tác giả:

* **Trần Hồng Quảng**, thạc sĩ, NCS Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

** **Hoàng Thị Bích Loan**, Phó giáo sư, tiến sĩ

- Nơi công tác: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh